

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 892/STNMT-VPĐK về việc đề nghị thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Báo cáo số 106/BC-TNMT (bổ sung hồ sơ thẩm định).

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Quyết định trên với các nội dung như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh và tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các văn bản có liên quan

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với thẩm quyền của UBND tỉnh được quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với các văn bản có liên quan như: Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường...

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau đây:

a) Đối với dự thảo Quyết định

- Tên Quyết định: Cơ quan soạn thảo cần bổ sung tên của Quyết định cho đầy đủ và chính xác theo quy định của Chính phủ tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017:

“Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. *Xây dựng, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Quy chế khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh...*. Theo đó, cần bổ sung từ “chia sẻ” vào trích yếu cho đầy đủ (trương tự cần rà soát toàn bộ dự thảo đề quy định cho phù hợp, thống nhất).

- Tại mục Nơi nhận: Sửa “Chi cục Văn thư – lưu trữ” thành “Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh” cho chính xác; đồng thời bổ sung gửi: Văn phòng Chính phủ, UBMTTQVN tỉnh, Sở Tư pháp, Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh, để văn bản được kiểm tra, giám sát, cập nhật và công khai sau khi ban hành theo đúng quy định.

b) Đối với dự thảo Quy chế

- Nội dung tại khoản 3, 4 Điều 8 cần xem lại để tránh việc quy định trùng nhau về trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và xử lý dữ liệu của thông tin (vì khoản 3 quy định Văn phòng Đăng ký đất đai chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và xử lý thông tin về tài nguyên và môi trường chung, khoản 4 lại quy định UBND huyện, thị xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường của huyện, thị xã).

- Khoản 1 Điều 9 quy định: “Trước ngày **30 tháng 11** hàng năm, đơn vị thực hiện nhiệm vụ về thu thập thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường (sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã) báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh)”. Tại khoản 6 Điều 21 quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành trước ngày **15 tháng 9** hàng năm, thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu do cơ quan mình đang quản lý. Việc quy định hai mốc thời gian này chòng chéo với nhau, do đó cơ quan soạn thảo cần thống nhất lại mốc thời gian phù hợp để các sở, ban, ngành thực hiện công tác báo cáo.

Ngoài ra, Khoản 1 Điều 9 về công tác báo cáo có quy định về trách nhiệm báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của các sở, ban, ngành cần xem lại đã chính xác chưa? (vì không phải tất cả các sở, ban, ngành đều có trách nhiệm liên quan trong công tác thu thập, cung cấp thông tin và dữ liệu về tài nguyên và môi trường).

- Tại khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “...*Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết*”. Do đó, cơ quan soạn thảo không cần quy định nội dung tại Điều 14 vì nội dung này quy định lại Điều 13 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP. Trương tự nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 18 dự thảo - trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên

và môi trường (nội dung này quy định lại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP). Trong trường hợp thật sự cần thiết thì dẫn chiếu để thực hiện.

- Điều 17 quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có quy định về hình thức khai thác và sử dụng thông tin thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc kết nối truy cập, chia sẻ thông tin... bằng việc đăng ký trước và được cấp quyền truy cập. Cơ quan soạn thảo cần có sự giải trình về cơ sở của hình thức này vì về nguyên tắc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên môi trường là nơi cung cấp công khai miễn phí các thông tin việc quy định tiếp cận thông tin nhưng phải được cấp quyền truy cập liệu có phù hợp không?

- Cơ quan soạn thảo cần xem xét lại quy định trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại khoản 2 Điều 19: *“Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu...”*. Quy định này chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP: *“Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí”*. Do đó, không nên hạn chế quyền tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cá nhân, tổ chức để nghiên cứu, học tập trong trường hợp họ không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu đó. Đồng thời xem lại nội dung của Điều 19 có phù hợp với quy định tại Điều 3 (về Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin) của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

- Khoản 2 Điều 20 quy định: *“Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cho phép cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu Mật”*, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, quy định rõ hơn thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu Mật nào? Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cho phép cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu Mật nào? Thay cụm từ *“Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh”* bằng cụm từ *“Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh”* cho ngắn gọn, chính xác hơn. Đồng thời xem lại nội dung của điều này cho phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP về Hướng dẫn Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước (cũng như Luật Bảo vệ bí mật nhà nước sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

- Điểm a khoản 5 Điều 21, thay cụm từ *“trên địa bàn tỉnh hàng năm”* bằng cụm từ *“hàng năm tại địa phương”* cho chính xác.

Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần bổ sung thêm quy định chi tiết về kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Vì phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Quy chế đều đề cập đến hoạt động kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhưng trong dự thảo Quy chế chưa quy định cụ thể về vấn đề này. Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP cũng quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “xây dựng, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường”. Đồng thời cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ các văn bản có liên quan như Luật Tiếp cận thông tin... để quy định nội dung cho phù hợp và thống nhất.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát kỹ lại toàn bộ lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Quyết định

- Trình bày dòng “Địa danh, ngày tháng năm ban hành văn bản” theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “*địa danh và ngày, tháng, năm được đặt dưới ở giữa, cân đối so với Quốc hiệu và Tiêu ngữ*”.

- Trình bày tên gọi văn bản bằng kiểu chữ in thường, đậm.

- Phân căn cứ pháp lý: xem lại ngày tháng năm ban hành của *Luật Công nghệ thông tin* (không phải 2015).

- Bổ sung đánh số thứ tự trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.*).

b) Đối với dự thảo Quy chế, Phụ lục

- Việc viết tắt cụm từ “UBND” cần chú thích trước khi thực hiện cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*4. Từ ngữ viết tắt chỉ được sử dụng trong trường hợp cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản*”.

- Rà soát bỏ dấu chấm câu sau số thứ tự các Chương và cuối tiêu đề các Điều.

- Sửa ký hiệu điểm f tại khoản 1 Điều 18 cho phù hợp với bảng chữ cái tiếng Việt (rà soát cả Phụ lục).

- Số thứ tự trang văn bản cần đánh theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*lưu ý đánh riêng số trang của Phụ lục*). Sửa từ “Quy

ché” thành “Quyết định” tại phần chú thích dưới tên gọi của Phụ lục cho chính xác.

- Rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo, sử dụng dấu chấm (.), dấu phẩy (,), dấu chấm phẩy (;) và viết hoa cho phù hợp (Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng đăng kí đất đai tỉnh...); viết chính xác tên tỉnh là “Đắk Nông”.

c) Tờ trình

Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng theo Mẫu số 03 Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; bổ sung gửi Sở Tư pháp.

3. Kết luận chung

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành là có cơ sở pháp lý và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ các nội dung tại Báo cáo thẩm định này để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 131 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên & Môi trường (t/h);
- GD, PGD Sở (Đ/c Hiếu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Hiếu